TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHƯỚC** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 22/8/2022
V/v tranh chấp *"xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Khanh**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thanh Dũ**

Ông **Nguyễn Tấn Phúc**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Minh Thành** – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 22 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Phước mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 111/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp "xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2022/QĐXX-ST ngày 19 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST-HNGĐ ngày 04/8/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Tường V**, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh T.

2. Bị đơn: Anh **Lê Văn Â,** sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp 3, xã T, huyện T, tỉnh T.

- Chị V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.
- Anh Â vắng mặt không lý do dù được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai cùng ngày 02/6/2022 nguyên đơn chị Trần Thị Tường V trình bày: Tôi và anh Lê Văn Â cưới nhau vào năm 2018, có quen biết tìm hiểu trước và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T vào ngày 24/7/2020. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng, thường hay cải vã. Lý do, do anh Â thường xuyên nhậu nhẹt, bê tha, không quan tâm chăm sóc vợ con,

không lo cho gia đình, nhậu về nhà kiếm chuyện gây sự và đánh đập tôi thường xuyên, nên tôi không thể tiếp tục chung sống với anh Â được nữa và ly thân từ tháng 02/2021 cho đến nay, thời gian ly thân anh Â còn đến gia đình tôi quậy phá. Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Phúc A, sinh ngày 25/12/2019, hiện đang sống cùng tôi.

Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lê Văn Â; Về con chung: yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu A. Không yêu cầu anh Â phải cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung; không có; Về nợ chung: không có.

Ngày 18/7/2022 nguyên đơn chị Trần Thị Tường V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

- Bị đơn anh Lê Văn Â đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của chị V và cũng được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để hòa giải nhưng anh Â vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản, ý kiến trả lời theo thông báo của Tòa án.

* Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn chị Trần Thị Tường V và bị đơn anh Lê Văn Â vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Hội đồng xét thấy theo đơn khởi kiện và yêu cầu của chị Trần Thị Tường V tại phiên tòa, thì chị V khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Phước giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn Â. Anh Lê Văn Â hiện cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh T. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước theo qui định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp "Ly hôn" qui định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn chị Trần Thị Tường V có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn anh Lê Văn Â không có yêu cầu phản tố và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để xét xử nhưng anh Â vẫn vắng mặt hai lần không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn chị Trần Thị Tường V và bị đơn anh Lê Văn Â.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa hôm nay chị Trần Thị Tường V yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn Â. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Tường V. Hội đồng xét xử xét thấy chị V và anh Â cưới nhau vào năm 2018, có quen biết tìm hiểu trước và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T vào ngày 24/7/2020. Chị V xác định sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng, thường hay cải vã. Lý do, do anh Â thường xuyên nhậu nhẹt, bê tha, không quan tâm chăm sóc vợ con, không lo cho gia đình, nhậu về nhà kiếm chuyện gây sự và đánh đập chị thường xuyên, nên chị không thể tiếp tục chung sống với anh Â được nữa và ly thân từ tháng 02/2021 cho đến nay, thời gian ly thân vợ chồng không hàn gắn được gì mà anh Â còn đến gia đình chị

quậy phá. Hội đồng xét xử xét thấy thực tế thời gian chung sống hạnh phúc giữa chị V và anh Â là ngắn, thời gian ly thân nhau từ đầu năm 2021 đến nay cũng đã lâu, trong thời gian ly thân nhau, chị V và anh Â cũng không có một động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án chị V cương quyết được xin ly hôn đối với anh Â vì tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo đơn xin xác nhận mâu thuẫn gia đình và điều kiện nuôi con của chị V được chính quyền địa phương chứng thực thì chị V và anh Â có nhiều mâu thuẫn, anh Â có rượu chè về đánh đập chị V. Bị đơn anh Lê Văn Â đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của chị V và cũng được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để hòa giải nhưng anh Â vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản, ý kiến trả lời theo thông báo của Tòa án. Anh Â đã được Tòa án thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ nhưng anh vẫn không có ý kiến. Như vậy chứng tỏ anh Â đã không có tình cảm đối với chị V. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh Â là đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị Trần Thị Tường V được ly hôn anh Lê Văn Â là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị V và anh Â có 01 chung là cháu Trần Phúc A, sinh ngày 25/12/2019, hiện cháu A đang sống cùng chị V. Quá trình giải quyết vụ án chị V yêu cầu tiếp tục nuôi con chung là cháu A. Anh Â cũng không có yêu cầu nuôi con chung. Cháu A hiện nay còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc của mẹ, chị V cũng có đủ điều kiện để nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cho chị V tiếp tục nuôi cháu A là đảm bảo cuộc sống cho cháu.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án chị V không yêu cầu anh Âu phải cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị V xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị V xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Chị V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

- Chấp nhận cho chị Trần Thị Tường V được ly hôn với anh Lê Văn Â.

2. Về con chung:

- Giao cho chị Trần Thị Tường V được tiếp tục nuôi một con chung giữa chị và anh Lê Văn Â là cháu Trần Phúc A, sinh ngày 25/12/2019.

Anh Lê Văn Â không phải cấp dưỡng nuôi con do chị V chưa có yêu cầu.

Anh Lê Văn Â có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền tranh cản.

3. Về án phí:

Chị Trần Thị Tường V phải chịu 300.000đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị V đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu số 0003124 ngày 13/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang, xem như chị V thi hành xong tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị V và anh Â được thực hiện quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết công khai, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Chí Khanh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- UBND xã T;
- Các đương sự:
  + Trần Thị Tường V
  + Lê Văn Â
- Lưu.